TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 91/2018/QĐST-HNGĐ	*Trà Cú, ngày 03 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Cẩm H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phan Văn N, sinh năm 1983 và bà Phạm Thị Cẩm H, sinh năm 1981.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn N và bà Phạm Thị Cẩm H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: gồm có 02 người con chung tên Phan Minh K, sinh ngày 16/10/2007 và Phan Khải M, sinh ngày 03/12/2016. Ông N và bà H thỏa

thuận giao con cho bà Hương nuôi dưỡng (đây cũng là nguyện vọng của cháu K), ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 650.000đ/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Phan Văn N và bà Phạm Thị Cẩm H mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông N tự nguyện nộp thay tiền án phí cho bà H, đồng thời ông N phải chịu 150.000đ *(Một năm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, các khoản tiền án phí nêu trên được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà ông N đã nộp theo biên lai thu số 0013789 ngày 13/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên ông N không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THA DS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Dựa